

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%)
phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và
ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (*sửa đổi*) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước"; Thông tư số 61/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn xây dựng dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2004";

Căn cứ Nghị quyết số 62/2003/NQ-HĐND ngày 08/8/2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV - Kỳ họp thứ 9 "Quy định về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá tại Tờ trình số 731/TTr-TCVG ngày 18/6/2003 về việc "Đề nghị phê duyệt phương án quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang",

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang".

Quy định về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định này làm căn cứ lập, chấp hành và quyết toán ngân sách từ niên độ ngân sách 2004.

Điều 2: Giao trách nhiệm: Giám đốc các Sở: Tài chính - Vật giá, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã triển khai tổ chức thực hiện phân cấp, quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và Quyết định này của UBND tỉnh.

Điều 3: Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính - Vật giá, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 192/QĐ-UB ngày 31/1/2000 của UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Lê Thị Quang

**QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ (%) PHÂN
CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, NGÂN SÁCH
CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 133/2003/QĐ-UB ngày 17/10/2003
của UBND tỉnh)*

**I- NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA
NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ:**

1. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh gồm:

1.1: Các khoản thu 100%:

1.1.1: Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không kể tiền cho thuê mặt đất, mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí do Trung ương quản lý.

1.1.2: Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

1.1.3: Các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

1.1.4: Viện trợ không hoàn lại bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cấp cho tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.1.5: Các khoản phí, lệ phí nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ.

1.1.6: Phí thi tốt nghiệp các cấp học quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh (hiện nay đang áp dụng Quyết định số 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh "Về quản lý thu, chi các khoản học phí, lệ phí tuyển sinh, lệ phí thi, tiền đóng góp xây dựng, sửa chữa trường, lớp học ở các cơ sở giáo dục đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang").

1.1.7: Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, kể cả phạt vận tải quá tải tại các trạm cân, thu từ các hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật cho cơ quan cấp tỉnh xử lý.

1.1.8: Huy động của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ do cơ quan cấp tỉnh huy động

1.1.9: Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh.

1.1.10: Thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của tỉnh trong trường hợp đặc biệt, thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương.

1.1.11: Thu sự nghiệp của các đơn vị do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

1.1.12: Thu tiền vay cho đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước.

Việc huy động vốn trong nước để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước. Mức dư nợ các nguồn vốn huy động tại thời điểm không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của ngân sách cấp tỉnh.

1.1.13: Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

1.1.14: Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

1.1.15: Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

1.2: Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách cấp tỉnh theo quy định:

1.2.1: Thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp Nhà nước, không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu.

1.2.2: Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp Nhà nước, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.

1.2.3: Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam do cơ quan Thuế cấp tỉnh quản lý thu.

1.2.4: Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp Nhà nước.

1.2.5: Phí xăng, dầu.

* Việc phân chia các khoản thu này cho ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính Phủ hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước.

1.3: Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách cấp tỉnh; ngân sách cấp huyện:

1.3.1: Phân chia cho ngân sách tỉnh - ngân sách huyện, thị xã:

- Học phí công lập thu theo quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh (hiện nay đang áp dụng Quyết định số: 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh).

* Tỷ lệ (%) phân chia cho các cấp ngân sách có Phụ lục chi tiết kèm theo.

2. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện gồm:

2.1: Các khoản thu 100%:

2.1.1: Đối với các huyện:

- Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do các cơ quan thuộc cấp huyện quản lý.

2.1.1.2: Lệ phí trước bạ, không kể lệ phí trước bạ nhà, đất.

2.1.1.3: Tiền sử dụng đất.

2.1.1.4: Thu từ hoạt động sự nghiệp (không kể học phí hệ công lập, lệ phí thi tốt nghiệp các cấp học) của các đơn vị do cấp huyện quản lý; Thu tiền đóng góp xây dựng trường, lớp học theo quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh (hiện nay đang áp dụng Quyết định số: 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh).

2.1.1.5: Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2.1.1.6: Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ do cấp huyện huy động.

2.1.1.7: Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

2.1.1.8: Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu từ hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện theo phân cấp của tỉnh.

2.1.1.9: Thu kết dư của ngân sách huyện.

2.1.1.10: Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

2.1.1.11: Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2.1.2: Đối với thị xã Tuyên Quang:

Ngoài các khoản thu được hưởng trên đây như ngân sách huyện, còn được hưởng 100% từ các khoản thu sau (phát sinh trên địa bàn thị xã, do thị xã trực tiếp thu):

2.1.2.1: Thuế môn bài từ bậc 1 đến bậc 3 thu trên địa bàn các phường.

2.1.2.2: Lệ phí trước bạ, không kể lệ phí trước bạ nhà, đất.

2.2: Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương (tỉnh phân cấp cho cấp huyện) theo quy định.

2.2.1: Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp dịch vụ ngoài quốc doanh theo phân cấp của tỉnh, không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu.

2.2.2: Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp dịch vụ ngoài quốc doanh theo phân cấp của tỉnh.

2.2.3: Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

2.2.4: Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam do cơ quan Thuế cấp huyện quản lý thu.

2.2.5: Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh.

* Việc phân chia các khoản thu này cho ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương (tỉnh phân cấp cho ngân sách cấp huyện) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước.

2.3: Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

2.3.1: Thuế nhà đất (phân chia cho ngân sách thị xã - ngân sách phường).

2.3.2: Thuế chuyển quyền sử dụng đất (phân chia cho ngân sách thị xã - ngân sách phường).

2.3.3: Lao động công ích, lao động xã hội thực hiện theo quy định của pháp lệnh... Phần đóng góp do cấp huyện, thị xã huy động, nếu đến ngày 15 tháng 10 hàng năm vẫn chưa thực hiện thì UBND huyện, thị xã phải có thông báo bằng văn bản cho các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn quản lý huy động vào ngân sách cấp xã (phân chia cho ngân sách huyện, thị xã - ngân sách xã, phường, thị trấn).

2.3.4: Học phí công lập thu theo hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh (Hiện nay đang áp dụng Quyết định số: 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh) khoản thu này chỉ phân chia cho ngân sách tỉnh - ngân sách huyện, thị xã.

* Tỷ lệ (%) phân chia từng khoản thu cho các cấp ngân sách có phụ lục chi tiết kèm theo.

3. Nguồn thu của ngân sách cấp xã gồm:

3.1: Các xã, thị trấn:

3.1.1: Các khoản thu 100%:

3.1.1.1: Thuế môn bài (từ bậc 1 đến bậc 6) thu trên địa bàn xã, thị trấn.

3.1.1.2: Thuế nhà đất.

3.1.1.3: Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3.1.1.4: Thuế chuyển quyền sử dụng đất.

3.1.1.5: Thuế tài nguyên.

3.1.1.6: Lệ phí trước bạ nhà, đất.

3.1.1.7: Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do xã, thị trấn quản lý.

3.1.1.8: Các khoản đóng góp (kể cả tiền đóng góp xây dựng trạm xá) của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

3.1.1.9: Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

3.1.1.10: Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thu từ các hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật do xã, thị trấn thực hiện theo phân cấp của tỉnh.

3.1.1.11: Thu từ các hoạt động sự nghiệp do xã, thị trấn quản lý.

3.1.1.12: Các khoản đóng góp tự nguyện cho xã, thị trấn.

3.1.1.13: Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trực tiếp cho xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

3.1.1.14: Thu kết dư của ngân sách xã, thị trấn.

3.1.1.15: Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

3.1.1.16: Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3.1.2: Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

- Lao động công ích, lao động xã hội thực hiện theo quy định của pháp lệnh... Phần đóng góp do cấp huyện, thị xã huy động, nếu đến ngày 15 tháng 10 hàng năm vẫn chưa thực hiện thì UBND huyện, thị xã phải có thông báo bằng văn bản cho các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn quản lý huy động vào ngân sách cấp xã (phân chia cho ngân sách cấp huyện - ngân sách cấp xã).

+ Tỷ lệ (%) phân chia từng khoản thu cho các cấp ngân sách có phụ lục chi tiết kèm theo.

3.2: Các phường.

3.2.1: Các khoản thu 100%:

3.2.1.1: Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3.2.1.2: Thuế tài nguyên.

3.2.1.3: Thuế môn bài từ bậc 4 đến bậc 6 thu trên địa bàn phường.

3.2.1.4: Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do phường quản lý.

3.2.1.5: Các khoản đóng góp (kể cả tiền đóng góp xây dựng trạm xá) của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách phường theo quy định của pháp luật.

3.2.1.6: Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

3.2.1.7: Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu từ các hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật do phường thực hiện theo phân cấp của tỉnh.

3.2.1.8: Thu từ các hoạt động sự nghiệp do phường quản lý.

3.2.1.9: Các khoản đóng góp tự nguyện cho phường.

3.2.1.10: Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trực tiếp cho phường theo quy định của pháp luật.

3.2.1.11: Thu kết dư của ngân sách phường.

3.2.1.12: Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

3.2.1.13: Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3.2.2: Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách cấp thị xã và ngân sách cấp phường.

3.2.2.1: Thuế nhà đất (phân chia cho ngân sách thị xã - ngân sách phường).

3.2.2.2: Thuế chuyển quyền sử dụng đất (phân chia cho ngân sách thị xã - ngân sách phường).

3.2.2.3: Lao động công ích, lao động xã hội thực hiện theo quy định của pháp lệnh... Phần đóng góp do cấp huyện, thị xã huy động, nếu đến ngày 15 tháng 10 hàng năm vẫn chưa thực hiện thì UBND huyện, thị xã phải có thông báo bằng văn bản cho các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn quản lý huy động vào ngân sách cấp xã (phân chia cho ngân sách cấp huyện - ngân sách cấp xã).

* Tỷ lệ (%) phân chia từng khoản thu cho các cấp ngân sách có phụ lục chi tiết kèm theo.

II- NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ:

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh:

1.1: Chi đầu tư phát triển:

1.1.1: Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý.

1.1.2: Đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh.

1.1.3: Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước, các tổ chức kinh tế và các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách và nguồn tăng thu (nếu có) các tỉnh quyết định đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn trong đó chú ý các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

1.1.4: Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

1.2: *Chi thường xuyên:*

1.2.1: Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý; Trường Trung học phổ thông dân tộc nội trú tỉnh; giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa và các hoạt động giáo dục khác thuộc Trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Đại học tại chức, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác.

- Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác.

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

- Bồi dưỡng, huấn luyện, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục - thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học - công nghệ khác.

- Các hoạt động về môi trường.

- Các sự nghiệp khác.

1.2.2: Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan cấp tỉnh quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường theo phân cấp của tỉnh.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các Trạm, Trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Sự nghiệp thị chính (trừ phần giao cho thị xã): Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

- Đo đạc lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính.

- Điều tra cơ bản.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

1.2.3: Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, gồm:

- Quốc phòng (thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước; hiện nay đang thực hiện theo Nghị định số 46/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ):

+ Bảo đảm trợ cấp cho gia đình cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn khi tập trung huấn luyện theo quy định.

+ Bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn (hoặc tiền lương), các chi phí hoạt động của dân quân tự vệ được điều động làm nhiệm vụ theo thẩm quyền của Tỉnh đội trưởng.

+ Bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn (hoặc tiền lương), quân trang đồ dùng sinh hoạt và các chi phí hoạt động của các đơn vị dân quân tự vệ làm nhiệm vụ thường trực chiến đấu hoặc sẵn sàng chiến đấu ở những địa bàn trọng điểm do Bộ Quốc phòng quy định.

+ Bảo đảm các chế độ ốm đau, tai nạn, hy sinh hoặc tử trận đối với dân quân tự vệ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

+ Bảo đảm chính sách, chế độ ưu đãi đối với dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ.

+ Vận chuyển, sửa chữa, bảo quản trang bị vũ khí; sản xuất mìn, lựu đạn và các phương tiện thiết yếu để trang bị cho dân quân tự vệ.

+ Bảo đảm cơ sở vật chất huấn luyện, hội thao, hội thi, diễn tập, hoạt động ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ cấp tỉnh.

+ Tổng kết, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của cấp tỉnh.

+ Xây dựng phương án dân quân tự vệ tham gia phòng thủ khu vực tỉnh.

+ Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của tỉnh.

- An ninh và trật tự an toàn xã hội:

+ Hỗ trợ các chiến dịch phòng ngừa, phòng chống các loại tội phạm.

+ Hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội.

+ Hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy.

+ Hỗ trợ sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ.

+ Hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

1.2.4: Hoạt động của các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh.

1.2.5: Hoạt động các cơ quan cấp tỉnh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2.6: Hoạt động các cơ quan cấp tỉnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.

1.2.7: Hỗ trợ cho các tổ chức xã nội, xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.2.8: Thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh quản lý.

1.2.9: Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho cấp tỉnh quản lý.

1.2.10: Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.

1.2.11: Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

1.3: Trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư theo quy định tại khoản 3, Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước.

1.4: Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

1.5: Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện gồm:

2.1: Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh: Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị...

2.2: Chi thường xuyên:

2.2.1: Các hoạt động sự nghiệp - đào tạo, y tế thực hiện theo phân cấp của cấp tỉnh.

- Giáo dục phổ thông, giáo dục bổ túc, giáo dục mầm non và các hoạt động giáo dục - đào tạo khác phân cấp cho huyện, thị xã.

- Sự nghiệp phòng bệnh, chữa bệnh và hoạt động y tế khác.

2.2.2: Các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, xã hội và các sự nghiệp khác do cơ quan cấp huyện quản lý.

2.2.3: Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cơ quan cấp huyện quản lý:

- Nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi.

- Giao thông: Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông theo phân cấp.

- Sự nghiệp thị chính (phân giao cho huyện, thị xã): Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.2.4: Quốc phòng an ninh và trật tự, an toàn xã hội: Quốc phòng (Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước; hiện nay đang thực hiện theo Nghị định số 46/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ):

+ Bảo đảm công tác giáo dục quốc phòng toàn dân về lĩnh vực dân quân tự vệ.

+ Bảo đảm đăng ký, biên chế đơn vị dân quân tự vệ.

+ Bảo đảm công tác tổ chức, huấn luyện cán bộ dân quân tự vệ theo phân cấp của tỉnh.

+ Bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn (hoặc tiền lương) các chi phí hoạt động của dân quân tự vệ được điều động làm nhiệm vụ theo thẩm quyền của Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện, Chỉ huy trưởng BCH quân sự thị.

+ Bảo đảm cơ sở vật chất huấn luyện, hội thao, hội thi, diễn tập hoạt động ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ cấp huyện, thị xã.

+ Tổng kết, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của cấp huyện.

+ Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của cấp huyện, thị xã.

- An ninh và trật tự, an toàn xã hội:

+ Tuyên truyền, giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh.

+ Hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

+ Hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Hỗ trợ hoạt động an ninh, trật tự ở cơ sở.

2.2.5: Hoạt động của các cơ quan Nhà nước cấp huyện.

2.2.6: Hoạt động của cơ quan cấp huyện của Đảng cộng sản Việt Nam.

2.2.7: Hoạt động của cơ quan cấp huyện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.

2.2.8: Hỗ trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2.2.9: Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.3: *Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.*

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn gồm:

3.1: *Chi đầu tư phát triển:*

Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh.

3.2: Chi thường xuyên:

3.2.1: Công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao do xã, thị trấn quản lý.

3.2.2: Hỗ trợ kinh phí bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo do xã, thị trấn quản lý.

3.2.3: Hoạt động y tế xã, thị trấn.

3.2.4: Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, đường giao thông do xã, thị trấn quản lý.

3.2.5: Hoạt động của các cơ quan Nhà nước xã, thị trấn.

3.2.6: Hoạt động của cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam xã, thị trấn.

3.2.7: Công tác dân quân tự vệ, trật tự - an toàn xã hội:

- Công tác dân quân tự vệ:

+ Bảo đảm cho cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn các khoản chi theo quy định hiện hành của Nhà nước (hiện nay đang thực hiện theo Nghị định số. 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 và các quy định hiện hành của Chính phủ).

+ Bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn (hoặc tiền lương) và các chi phí hoạt động của dân quân tự vệ được điều động làm nhiệm vụ theo thẩm quyền của chỉ huy trưởng quân sự xã, thị trấn.

+ Bảo đảm đăng ký, tuyển chọn dân quân tự vệ.

+ Tổng kết, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của cấp xã, thị trấn.

+ Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của cấp xã, thị trấn.

- An ninh trật tự xã hội:

+ Tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự - an toàn xã hội.

+ Hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

3.2.8: Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ chi của ngân sách phường gồm:

4.1: Chi đầu tư phát triển:

Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh.

4.2: Chi thường xuyên:

4.2.1: Công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao do phường quản lý.

4.2.2: Hỗ trợ kinh phí bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo do phường quản lý.

4.2.3: Hoạt động y tế phường.

4.2.4: Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, đường giao thông do phường quản lý.

4.2.5: Hoạt động của các cơ quan Nhà nước phường.

4.2.6: Hoạt động của cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam phường.

4.2.7: Công tác dân quân tự vệ, trật tự - an toàn xã hội:

- Công tác dân quân tự vệ:

+ Bảo đảm cho cán bộ Ban chỉ huy quân sự phường các khoản chi theo quy định hiện hành của Nhà nước (hiện nay đang thực hiện theo Nghị định số. 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 và các quy định hiện hành của Chính phủ).

+ Bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn (hoặc tiền lương) và các chi phí hoạt động của dân quân tự vệ được điều động làm nhiệm vụ theo thẩm quyền của Chỉ huy trưởng quân sự phường.

+ Bảo đảm đăng ký, tuyển chọn dân quân tự vệ.

+ Tổng kết, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của cấp phường.

+ Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của cấp phường.

- An ninh - trật tự xã hội:

+ Tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự - an toàn xã hội.

+ Hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

4.2.8: Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Lê Thị Quang

BIỂU PHỤ LỤC:
QUY ĐỊNH PHÂN CHIA TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Kèm theo Quyết định số 133/2003/QĐ-UB ngày 17/10/2003 của UBND tỉnh)

Số TT	TÊN KHOẢN THU	Phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu theo địa bàn thu					
		Các phường thuộc thị xã T.Quang			Các xã, thị trấn còn lại		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, T.trấn
A	CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THUẾ						
I	Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP theo Luật NSNN (phần điều tiết cho NSDP được để lại ngân sách tỉnh 100%)						
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp Nhà nước, không kể giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu.	100			100		
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp Nhà nước, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.	100			100		
3	Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam do cơ quan thuế cấp tỉnh quản lý thu.	100			100		
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong	100			100		

Số TT	TÊN KHOẢN THU	Phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu theo địa bàn thu					
		Các phường thuộc thị xã T.Quang			Các xã, thị trấn còn lại		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, T.trấn
	nước của các doanh nghiệp Nhà nước.						
5	Phí xăng, dầu	100			100		
II	Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP theo Luật NSNN (phần điều tiết cho NSDP được để lại ngân sách cấp huyện 100%)						
6	Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh theo phân cấp của tỉnh, không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu		100			100	
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh theo phân cấp của tỉnh		100			100	
8	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao		100			100	
9	Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam do cơ quan thuế cấp huyện quản lý thu		100			100	
10	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh		100			100	

Số TT	TÊN KHOẢN THU	Phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu theo địa bàn thu					
		Các phường thuộc thị xã T.Quang			Các xã, thị trấn còn lại		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, T.trấn
III	Các khoản thu NSDP được hưởng 100% theo Luật NSNN						
11	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp	100			100		
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước	100			100		
13	Lệ phí trước bạ, không kể lệ phí trước bạ nhà đất		100			100	
14	Lệ phí trước bạ nhà đất		50	50			100
15	Tiền sử dụng đất		100			100	
16	Các khoản thu hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		
17	Thuế môn bài						
	<i>Từ bậc 1 đến bậc 3</i>		<i>100</i>				<i>100</i>
	<i>Từ bậc 4 đến bậc 6</i>			<i>100</i>			<i>100</i>
18	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100
19	Thuế chuyển quyền sử dụng đất		50	50			100

Số TT	TÊN KHOẢN THU	Phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu theo địa bàn thu					
		Các phường thuộc thị xã T.Quang			Các xã, thị trấn còn lại		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, T.trấn
20	Thuế nhà đất		50	50			100
21	Thuế tài nguyên (trừ tài nguyên khoáng sản)			100			100
22	Các khoản phí, lệ phí						
	<i>Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do cơ quan cấp tỉnh quản lý</i>	100			100		
	<i>Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do cơ quan thuộc cấp huyện quản lý</i>		100			100	
	<i>Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do cấp xã quản lý</i>			100			100
B	CÁC KHOẢN THU KHÁC						
1	Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			100			100
2	Thu tiền vay cho đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước	100			100		
3	Viện trợ không hoàn lại bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật	100			100		

Số TT	TÊN KHOẢN THU	Phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu theo địa bàn thu					
		Các phường thuộc thị xã T.Quang			Các xã, thị trấn còn lại		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, T.trấn
4	Viện trợ không hoàn lại vật của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật		100			100	
5	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật			100			100
6	Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, kể cả phạt vận tải quá tải tại các trạm cân, thu từ các hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
7	Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu từ hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện theo phân cấp của tỉnh		100			100	
8	Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu từ hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật do cơ quan cấp xã thực hiện theo phân cấp của tỉnh			100			100
9	Huy động của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ do cơ quan cấp tỉnh huy động	100			100		

Số TT	TÊN KHOẢN THU	Phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu theo địa bàn thu					
		Các phường thuộc thị xã T.Quang			Các xã, thị trấn còn lại		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, T.trấn
10	Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ do cơ quan cấp huyện huy động		100			100	
11	Các khoản đóng góp (kể cả tiền đóng góp xây dựng trạm xá) của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật			100			100
12	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh	100			100		
13	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện		100			100	
14	Các khoản đóng góp tự nguyện cho xã, phường, thị trấn			100			100
15	Thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của tỉnh trong trường hợp đặc biệt, thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương	100			100		
16	Thu sự nghiệp của các đơn vị do các cơ quan cấp tỉnh quản lý	100			100		

Số TT	TÊN KHOẢN THU	Phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu theo địa bàn thu					
		Các phường thuộc thị xã T.Quang			Các xã, thị trấn còn lại		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, T.trấn
17	Thu từ hoạt động sự nghiệp (không kể học phí hệ công lập, lệ phí thi tốt nghiệp các cấp học) của các đơn vị do cấp huyện quản lý; Thu tiền đóng góp xây dựng trường, lớp học theo quy định (Hiện nay đang áp dụng QĐ số 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh)		100			100	
18	Thu từ các hoạt động sự nghiệp do cấp xã quản lý			100			100
19	Học phí công lập thu theo quy định (hiện tại đang áp dụng theo QĐ số 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh)	55	45		55	45	
20	Phí thi tốt nghiệp các cấp học theo quy định (hiện tại đang áp dụng theo QĐ số 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh)	100			100		
21	Lao động công ích thực hiện theo quy định của pháp lệnh		20	80		20	80
22	Lao động xã hội thực hiện theo quy định của pháp lệnh		20	80		20	80